

Weichai không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thông số sản phẩm có thể thay đổi mà không được thông báo trước.

Hãy liên hệ với Đại lý máy thủy Weichai nơi gần nhất để có thông tin thêm về động cơ thủy WEICHAİ, các thiết bị và phụ kiện tùy chọn.



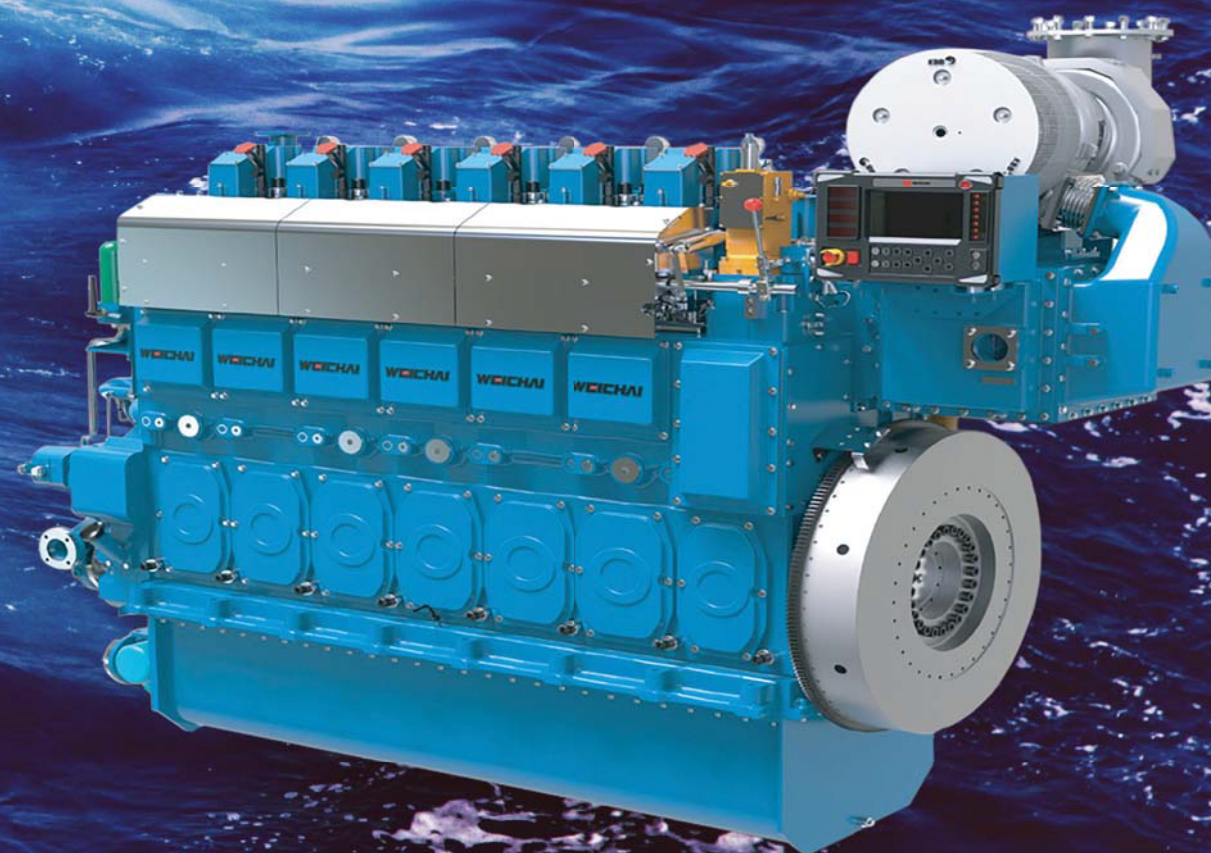
Quét mã QR Code để tải tài liệu giới thiệu sản phẩm

COPYRIGHT © 2019 WEICHAİ VIỆT NAM

WH20

HỆ MÁY THỦY WEICHAİ

MANH MỄ · BỀN BỈ · TIN CẬY



WWW.WEICHAİ.COM.VN

WEICHAİ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Mẫu động cơ	WH20LC1632-1	WH20LC1520-1	WH20LC1450-1	WH20LC1360-1
Công suất định mức (HP/kW)	1632/1200	1520/1118	1450/1066	1360/1000
Vòng tua (vòng/phút)	1000	1000	1000	1000
Chế độ khai thác	P1			
Mức tiêu hao nhiên liệu tối thiểu (g/kW.h)	185			
Số Xy lanh	6 xy lanh thẳng hàng			
Kiểu	4 thì, phun trực tiếp, Turbo tăng áp, khí nạp làm mát bằng nước			
Đường kính Xy lanh / Hành trình (mm)	200/300			
Dung tích Xy lanh (L)	56.55			
Tỷ số nén	15:1			
Trọng lượng (kg)	9000			
Tiêu chuẩn khí thải	IMO Tier II			
Thứ tự nổ	1-4-2-6-3-5			
Vòng tua chế độ không tải (vòng/phút)	400			
Chuẩn bánh đà (Loại buồng bánh đà)	Φ635			
Hướng quay trục cơ (Hướng về phía bánh đà)	Thuận chiều kim đồng hồ			
Nhiên liệu khuyến nghị	ASTM-D975:1-D/2-D;DIN51601;NATO CODES F54/F57/F76; GB252 0/-10/-20/-35/-50;BS2869:A1/A2;W-F-800C:DF-A,DF-1,DF-2			
Các mẫu cùng loại	WH20LC1230-1 WH20LC1450-9 WH20LC1360-9 WH20LC1230-9 WH20LC1310-8 WH20LC1225-7 WH20LC1122-7 WH20LC1175-6 WH20LC980-6			

CHẾ ĐỘ KHAI THÁC

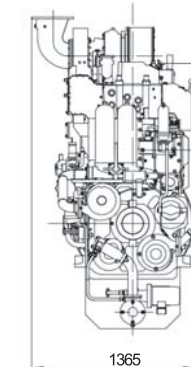
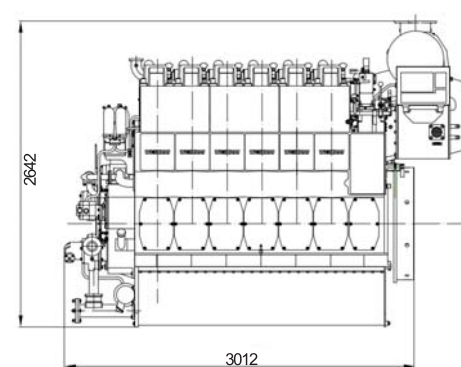
Chế độ	Thời gian hoạt động ở chế độ đầy tải	Hệ số tải trung bình	Thời gian vận hành hàng năm	Tốc độ vận hành bình thường	Ứng dụng	
P1	Chế độ liên tục	không giới hạn	80% ~ 100%	5.000 giờ - 7.000 giờ	không giới hạn	Tàu đánh cá xa bờ, Tàu chở hàng, Tàu nạo vét, Phà, Sà lan
P2	Chế độ nặng	8 giờ / 12 giờ	30% ~ 80%	3.000 giờ - 5.000 giờ	không giới hạn	Tàu chở khách, Tàu lai đất, Tàu hàng, Tàu cá ngừ đại dương, Tàu lưới vây, Tàu nghiên cứu biển
P3	Chế độ gián đoạn	2 giờ / 12 giờ	70%	1.000 giờ - 3.000 giờ	90%	Tàu cá, Tàu hoa tiêu, Tàu du lịch, Tàu chữa cháy.
P4	Chế độ hiệu suất cao	1 giờ / 12 giờ	60%	< 1.000 giờ	80%	Tàu tuần tra, Tàu cứu hộ
P5	Chế độ nhẹ	1 giờ / 12 giờ	< 30%	< 500 giờ	80%	Du thuyền hạng sang

ĐỊNH NGHĨA CÔNG SUẤT

Tiêu chuẩn ISO 3046/1-1995 (F)

Điều kiện tham khảo		Nhiên liệu		Đánh giá tuân thủ quy định về phân loại nhiệt độ tiêu chuẩn tối đa mà không giảm công suất	
Nhiệt độ môi trường	25 °C / 77 °F	Tỷ trọng tương đối	0,840 ± 0,005g/ml	Nhiệt độ môi trường	45 °C / 113 °F
Áp suất khí quyển	100 kPa	Năng suất tỏa nhiệt thấp	42.700kJ/kg	Nhiệt độ nước	32 °C / 90 °F
Độ ẩm tương đối	30%	Dung sai tiêu thụ	0 ± 5%		
Nhiệt độ nước	25 °C / 77 °F	Nhiệt độ giới hạn đầu vào	35 °C / 95 °F		

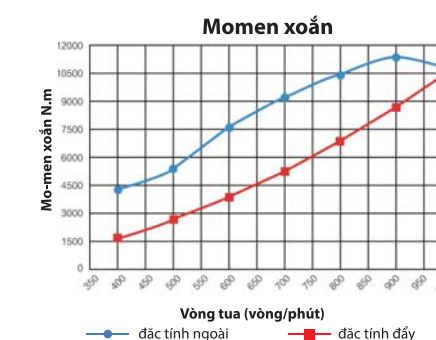
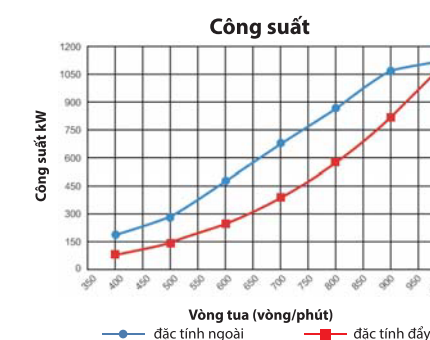
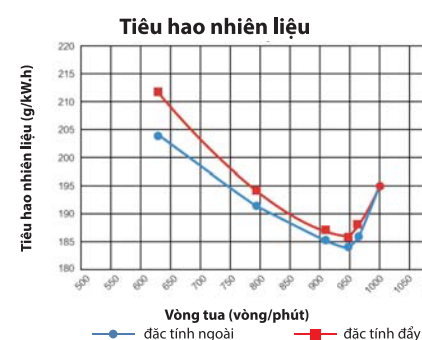
KÍCH THƯỚC



CÁC KẾT NỐI

Ống nước vào	Ø 90 mm
Ống nước ra	Ø 90 mm
Ống nhiên liệu vào	Ø 20 mm
Ống nhiên liệu ra	Ø 16 mm
Ống xả	Ø 320 mm

ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH (WH20LC1520-1)



ƯU ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐỘNG CƠ

Lốc máy

Lốc máy được làm từ vật liệu RuT400, lốc máy được thiết kế thêm các đường gân hợp lý nhằm gia tăng độ cứng và giảm tổng trọng lượng. Hệ thống đường dầu, đường nước làm mát và khoang ổn định áp khí nạp được tích hợp trong lốc máy giúp ngoại quan máy được gọn lược và gọn gàng hơn.

Trục khuỷu

Vật liệu bằng thép hợp kim cường độ cao, thiết kế hệ cân bằng tổng nhằm đảm bảo hiệu suất đầu ra, kéo dài tuổi thọ của trục.

Pít tông

Kết cấu của pít tông kết hợp giữa hợp kim gang với thép, đáp ứng yêu cầu về độ cứng khi áp suất nổ cao tới 22MPa; Nhằm nâng cao áp lực nổ định pít tông được thiết kế thêm rãnh hỗ trợ.

Kết cấu của pít tông kết hợp giữa hợp kim gang với thép, đáp ứng yêu cầu về độ cứng khi áp suất nổ cao tới 22MPa; Đỉnh pít tông đặc biệt thiết kế thêm đường rãnh để gia tăng hiệu suất đốt.

Tay biên

Kết cấu tay biên được sử dụng hợp kim ba phân đoạn, giúp giảm chiều cao và dễ tháo lắp khi bảo dưỡng trên động cơ.

Mặt máy

Mặt máy được thiết kế với 4 xupap tăng lưu lượng khí nạp và xả; Đường nước làm mát được thiết kế dưới dạng 2 lớp thông qua phần mềm CFD tính toán dòng chảy và đường kính của đường nước làm mát. Giúp hướng chảy và tốc độ chảy của nước làm mát càng hợp lý hơn, tăng tính năng trao đổi nhiệt hơn nữa.

Hệ thống khí nạp và khí xả

Sử dụng turbo tăng áp hãng KBB loại HPR4000 với tỉ số nén lên tới 5.5. Đường khí được thiết kế đặc biệt và sự hoàn hảo trong cách phối hợp giữa turbo với động cơ diesel, nâng cao công suất đầu ra, giảm thiểu hiệu suất tiêu hao nhiên liệu, đồng thời tối ưu hệ thống khí thải. Hiệu suất được nâng cao và đáp ứng những điều kiện tải thấp.

Hệ thống bôi trơn

Sử dụng bộ lọc nhớt dạng li tâm liên tục làm sạch nhớt trong quá trình động cơ hoạt động, đồng thời nâng cao hiệu suất bôi trơn và làm mát trong động cơ, kéo dài thời gian thay nhớt. Thiết kế thêm bơm nhớt dự phòng trên lốc máy nhằm đảm bảo động cơ được bôi trơn trước và sau khi khởi động.

